

**ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC**

**BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 03/2026
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN CƠ BẢN**

Thời gian: 13h00 * Ngày thi: 28/03/2026

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	29206546815	Nguyễn Thị An	10/01/2005	Gia Lai	31TBN19	9.3	3.5	Không Đạt	
2	28207304536	Dương Phan Văn	05/01/2004	Huế	31SYC9	6.7	7.3	Đạt	
3	28217305637	Lê Ngọc Nhật	29/04/2004	Huế	31SYC9	7.0	8.3	Đạt	
4	28207354311	Nguyễn Thị Phương	04/04/2004	Hà Nội	31SYC9	8.7	9.8	Đạt	
5	29206565408	Nguyễn Thúy Diệp	31/10/2004	Đắk Lắk	31TBN18	8.3	1.3	Không Đạt	
6	24205307139	Thái Thị Hoàng	09/12/2000	Nghệ An	31TBN19	9.3	6.3	Đạt	
7	27203800912	Hà Băng	28/01/2003	Đồng Nai	31TBN18	V	V	Không Đạt	
8	29214353654	Phạm Quốc Bảo	18/08/2005	Đà Nẵng	31TBN19	9.3	8.8	Đạt	
9	29204755473	Huỳnh Thị Thu	17/12/2005	Quảng Nam	31TBN18	9.7	9.3	Đạt	
10	28204606436	Nguyễn Thị Ngọc Châu	19/07/2004	Hội An	31TBN19	9.7	3.3	Không Đạt	
11	28205254425	Lê Hữu Loan	10/06/2003	Quảng Trị	31TBN19	8.3	5.3	Đạt	
12	29206754241	Trần Thị Thu	01/07/2004	Đà Nẵng	31TBN18	7.0	5.3	Đạt	
13	28212300139	Đỗ Xuân Cường	20/11/2004	Quảng Ngãi	31TBN18	V	V	Không Đạt	
14	28217300140	Nguyễn Hoàng Đạt	17/01/2004	Quảng Ngãi	31SYC9	7.7	8.6	Đạt	
15	28216653542	Nguyễn Thành Đạt	09/10/2004	Đà Nẵng	31TBN18	5.3	1.3	Không Đạt	
16	29214658503	Đỗ Đình Đức	01/03/2005	Thanh Hóa	31TBN19	6.7	7.8	Đạt	
17	29206565489	H Đô Na Êban	02/08/2005	Hà Nội	31TBN19	5.0	1.3	Không Đạt	
18	29206565337	Nguyễn Thị Hương	18/07/2004	Nghệ An	31TBN18	4.7	2.0	Không Đạt	
19	28209305849	Võ Thị Thu Hà	14/07/2004	Quảng Nam	31TBN19	6.7	5.3	Đạt	
20	28207333787	Lê Hoàng Nhật Hạ	17/07/2004	Quảng Bình	31SYC9	9.0	7.8	Đạt	
21	28214305381	Lê Quang Hải	25/05/2004	Quảng Trị	31TBN19	6.3	5.0	Đạt	
22	29207150133	Nguyễn Thị Ngọc Hân	01/03/2005	Bình Định	31TBN19	8.7	7.5	Đạt	
23	28207303744	Nguyễn Thiêng Hằng	22/08/2004	Gia Lai	31SYC9	9.7	7.3	Đạt	
24	0935581892	Đặng Mỹ Hậu	02/03/1997	Đà Nẵng	31TBN18	7.7	5.5	Đạt	
25	29214641155	Bùi Mạnh Hiếu	16/11/2004	Lâm Đồng	31TBN19	9.3	6.8	Đạt	
26	28207306845	Lê Thị Hiếu	20/11/2004	Khánh Hòa	31SYC9	9.7	7.8	Đạt	
27	29214121598	Đậu Đức Hưng	28/01/2005	Nghệ An	31TBN18	5.7	V	Không Đạt	
28	27215301970	Nguyễn Lê Thanh Huy	13/10/2003	Đà Nẵng	31TBN19	9.3	8.3	Đạt	
29	29214526118	Trương Đức Huy	15/11/2005	Đà Nẵng	31TBN19	5.3	5.0	Đạt	
30	29214650674	Võ Trần Kha	05/03/2005	Đắk Lắk	31SYC9	9.3	6.8	Đạt	
31	28217337961	Vũ Trần Nam Khánh	03/06/2004	Đà Nẵng	31SYC9	9.3	8.3	Đạt	
32	28204650405	Lê Thị Linh	17/11/2004	Nghệ An	31TBN18	8.7	5.0	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
33	28207354657	Nguyễn Thị Hồng	Loan	22/07/2004	Đà Nẵng	31SYC9	5.3	8.8	Đạt	
34	29214621675	Phạm Thắng	Lợi	07/12/2005	Đắk Lắk	31SYC9	7.0	8.8	Đạt	
35	28218032222	Phạm Đoàn Việt	Long	26/06/2004	Đà Nẵng	31TBN19	7.7	6.3	Đạt	
36	29204822839	Nguyễn Thị Phương	Ly	12/08/2005	Hà Tĩnh	31TBN18	8.7	6.3	Đạt	
37	28206500704	Dương Thị My	Na	30/12/2004	Quảng Nam	31TBN18	9.7	4.0	Không Đạt	
38	28217301008	Nguyễn Hữu Nhật	Nam	13/12/2004	Quảng Bình	31SYC9	7.0	8.0	Đạt	
39	28207347353	Phan Nguyễn Thảo	Ngân	23/08/2004	Quy Nhơn	31SYC9	9.7	8.5	Đạt	
40	28217353802	Lê Khang	Nghi	05/11/2004	Khánh Hòa	31SYC9	6.7	8.3	Đạt	
41	29206221927	Lê Châu Thảo	Nguyên	25/05/2005	Quảng Nam	31TBN19	5.7	2.8	Không Đạt	
42	29206565022	Lê Thị Thảo	Nguyên	05/10/2005	Đắk Lắk	31TBN18	6.7	2.3	Không Đạt	
43	27215242486	Trần Minh	Nguyên	25/07/2003	Đà Nẵng	31TBN19	8.0	6.0	Đạt	
44	28212300528	Trần Tuấn	Nguyên	24/11/2004	Gia Lai	31TBN18	8.3	5.0	Đạt	
45	28204300812	Võ Thị Thu	Nguyên	20/01/2004	Đà Nẵng	31TBN18	9.0	5.3	Đạt	
46	28208005914	Bùi Ngọc Ánh	Nguyệt	02/01/2004	Đà Nẵng	31TBN19	7.7	6.8	Đạt	
47	29206540953	Lê Thị Tuyết	Nhi	17/04/2005	Thừa Thiên H	31TBN19	4.3	1.5	Không Đạt	
48	29204622234	Nguyễn Thị	Nhi	13/11/2005	Phú Yên	31SYC9	6.0	6.5	Đạt	
49	28204303691	Nguyễn Thị Ánh	Nhi	30/01/2004	Đà Nẵng	31TBN18	7.7	6.8	Đạt	
50	29207129677	Phạm Thị	Như	01/12/2005	Phú Yên	31TBN19	10.0	7.5	Đạt	
51	28204949551	Nguyễn Thị Thúy	Ny	27/09/2004	Đà Nẵng	31TBN19	5.3	6.3	Đạt	
52	28214904414	Huỳnh Thanh	Phú	20/10/2004	Quảng Nam	31TBN18	8.0	4.0	Không Đạt	
53	24203304150	Đặng Thị Hồng	Phượng	16/08/2000	Đà Nẵng	31TBN19	9.3	5.0	Đạt	
54	28212303805	Nguyễn Trương	Quân	20/05/2004	Bình Định	31TBN19	6.3	3.5	Không Đạt	
55	29212342649	Lê Đình	Quốc	11/03/2005	Đắk Lắk	31SYC9	4.3	3.0	Không Đạt	
56	28208000947	Phan Nguyễn Hạnh	Quyên	30/07/2004	Đà Nẵng	31TBN19	V	V	Không Đạt	
57	28207306511	Trần Nguyễn Bảo	Quyên	27/08/2004	Quảng Ngãi	31SYC9	10.0	9.8	Đạt	
58	29212357172	Lê Phú	Quyên	19/05/2005	Huế	31TBN18	8.7	9.6	Đạt	
59	29204624432	Lê Diễm	Quỳnh	10/11/2005	Đắk Lắk	31SYC9	9.3	6.3	Đạt	
60	29209440193	Ngô Thị Như	Quỳnh	14/06/2005	Đà Nẵng	31TBN18	6.7	2.3	Không Đạt	
61	28208154738	Nguyễn Lê Trúc	Quỳnh	06/11/2004	Đà Nẵng	31SYC9	5.3	6.0	Đạt	
62	28216648032	Huỳnh Phương	Sanh	06/12/2004	Đà Nẵng	31TBN18	7.0	7.0	Đạt	
63	28218001384	Phan Nhật Hoài	Son	05/02/2004	Khánh Hòa	31TBN18	6.3	5.3	Đạt	
64	28208005573	Huỳnh Thị Thảo	Sương	16/07/2004	Quảng Nam	31TBN19	8.7	3.8	Không Đạt	
65	28208002418	Nguyễn Thị Tuyết	Sương	26/04/2004	Gia Lai	31TBN18	9.7	2.3	Không Đạt	
66	28212205604	Đặng Đức	Tài	14/10/2004	Phú Yên	31TBN19	9.7	9.8	Đạt	
67	28212300963	Mai Lý Hồng	Tâm	08/03/2004	Bình Định	31TBN18	6.7	8.5	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ	
						KTC	THUD	KẾT QUẢ		
68	28212401512	Phan Quang	Thái	16/05/2003	Quảng Trị	31TBN19	6.7	9.0	Đạt	
69	29207153161	Trần Thị	Thắm	06/02/2005	Đắk Lắk	31TBN19	10.0	6.0	Đạt	
70	29218059657	Đỗ Lê Quốc	Thắng	10/10/2005	Quảng Nam	31TBN19	9.7	8.5	Đạt	
71	27205249748	Trần Thị Minh	Thanh	21/07/2003	Gia Lai	31TBN19	8.3	4.0	Không Đạt	
72	28212742912	Huỳnh Tiến	Thành	27/08/2004	Đà Nẵng	31TBN18	7.0	3.0	Không Đạt	
73	28208238266	Lê Ngọc Phương	Thảo	21/09/2004	Đà Nẵng	31TBN18	4.3	2.0	Không Đạt	
74	28207306422	Nguyễn Hà Mai	Thảo	12/08/2004	Quảng Bình	31SYC9	9.0	8.5	Đạt	
75	29209434558	Nguyễn Thị Như	Thảo	07/08/2005	Quảng Nam	31TBN18	8.3	4.3	Không Đạt	
76	29207145390	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	16/04/2005	Bình Định	31TBN19	8.0	4.3	Không Đạt	
77	29207129676	Nguyễn Thị	Thúy	06/02/2005	Đắk Lắk	31TBN19	8.3	6.3	Đạt	
78	28206501673	Nguyễn Thị Mỹ	Trà	23/09/2004	Đắk Nông	31TBN18	9.3	5.0	Đạt	
79	28204654381	Nguyễn Ngọc Bảo	Trần	15/07/2004	Đà Nẵng	31TBN19	7.7	5.3	Đạt	
80	28219306237	Dũ Minh	Trương	10/05/2003	Đà Nẵng	31TBN18	8.0	4.5	Không Đạt	
81	28214602151	Bùi Văn	Tú	24/11/2003	Đắk Lắk	31TBN18	7.3	5.8	Đạt	
82	28215139881	Thân Văn	Tuấn	24/01/2004	Quảng Nam	31TBN18	6.3	4.5	Không Đạt	
83	28216846313	Lê Minh	Uyên	17/04/2004	Đà Nẵng	31TYC14	5.0	3.5	Không Đạt	
84	29204346972	Nguyễn Thanh Nhật	Vi	06/08/2005	Quảng Nam	31TBN19	6.7	3.3	Không Đạt	
85	28208155025	Nguyễn Thị Yến	Vi	05/04/2003	Quảng Nam	31TBN19	7.0	2.8	Không Đạt	
86	28212438497	Trần Lê	Vinh	30/09/2002	Quảng Bình	31TBN19	6.0	5.3	Đạt	
87	29204860346	Nguyễn Thị Tường	Vy	04/04/2005	Đà Nẵng	31TBN18	9.3	6.8	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh